

TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN T
THÀNH PHỐ H

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 146/2020/QĐST-HNGĐ

T, ngày 31 tháng 7 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN T

Căn cứ các Điều 212, 213, 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 23 tháng 7 năm 2020;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 136/2020/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 6 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Chị Phùng Thị L- sinh năm 1986

Giấy CMND số: 013446713, Công an thành phố Hà Nội cấp ngày 2/01/2012.

ĐKKH: 89 - B5 An D, phường Y, quận T, thành phố H

Trú tại: Xóm B, xã Long C, huyện Tân S, tỉnh P.

- Anh Lê Xuân H- sinh năm 1981

Giấy CMND số: 013190996, Công an thành phố Hà Nội cấp ngày 21/7/2012

ĐKKH và trú tại: 89 - B5 An D, phường Y, quận T, thành phố H

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phùng Thị L và Anh Lê Xuân H kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 14/4/2010 tại UBND phường Y, quận T, thành phố H thể hiện một hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do không hợp nhau về cách sống, bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp nhau. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay, không còn quan tâm đến nhau, mục đích hôn

nhân không đạt được. Nay cả hai bên cùng xác định tình cảm không còn, đời sống chung không thể kéo dài. Chị L và anh H cùng yêu cầu thuận tình ly hôn là phù hợp với các quy định của pháp luật. Do vậy, căn cứ Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình, công nhận thuận tình ly hôn giữa anh chị.

[2] Về con chung: Chị L và anh H cùng xác định có 02 con chung là: Lê Chí C, sinh ngày 16/10/2010 và Lê Chí T, sinh ngày 01/5/2017. Hai đương sự thỏa thuận sau ly hôn Chị L là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Chí T, anh H trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Chí C. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với Chị L và anh H, đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

Không ai được ngăn cản việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Sự thỏa thuận về nuôi con sau ly hôn của Chị L và anh H là tự nguyện, phù hợp với điều kiện cuộc sống thực tế của các bên đương sự và phù hợp với các quy định pháp luật, nên Tòa án công nhận.

[3] Về tài sản chung, nhà ở, công nợ chung: Hai đương sự đều xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[4] Về lệ phí Tòa án: Ghi nhận sự tự nguyện của Chị L tự nguyện nộp toàn bộ lệ phí ly hôn sơ thẩm.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa Chị Phùng Thị L và anh Lê Xuân H.

- Về con chung: Chị Phùng Thị L được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng con chung là Lê Chí T, sinh ngày 01/5/2017; Anh Lê Xuân H được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng con chung là Lê Chí C, sinh ngày 16/10/2010. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với Chị L và anh H, đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

Không ai được ngăn cản việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

- Về tài sản chung, nhà ở, công nợ chung: Hai đương sự đều xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

2. Về lệ phí Tòa án: Ghi nhận sự tự nguyện của Chị Phùng Thị L nộp toàn bộ lệ phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng, được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí Chị L đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận T theo biên lai thu tiền số 0004021 ngày 19 tháng 6 năm 2020.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND quận T;
- UBND p. Y, T, HN;
- THA dân sự quận T
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Nguyễn Đình Thảo

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 31-VDS:

(1) Ghi tên Tòa án ra quyết định; nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi rõ tên Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi Tòa án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra Quyết định.

(3) và (4) Ghi điểm, khoản, điều luật tương ứng của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Hôn nhân và Gia đình.

(5) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm thụ lý việc hôn nhân và gia đình.

(6) Ghi rõ họ tên, địa chỉ nơi cư trú của người yêu cầu;

(7) Nếu là cá nhân thì ghi rõ họ tên, địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người đó; nếu là cơ quan, tổ chức thì ghi tên cơ quan, tổ chức và địa chỉ trụ sở của cơ quan, tổ chức đó.

(8) Ghi nhận định của Tòa án về những nội dung mà các đương sự thỏa thuận được theo Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành. Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ tự trong dấu [].